

PHỤ LỤC

Kèm theo Báo cáo số /BC-NHNN ngày tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3 2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 3. Bổ sung Điều 5a 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào Điều 6 5. Bỏ Điều 8.	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra các yêu cầu: (i) Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống; (ii) Bảo đảm quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; phân định rõ quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng.	

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 7. Bổ sung Điều 12a 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 và bổ sung khoản 7 vào Điều 16 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện	thảo văn bản; từng bước thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp. Các hoạt động tổng kết, khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá tác động chính sách, lựa chọn chính sách phải được thực hiện kỹ lưỡng, thực chất, khoa học.		
	Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã xác định nhiệm vụ tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.		
	Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định: (i) Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực. (ii) Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra.		

	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định: (i) Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; (ii) Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (iii) Bám sát thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại, kế thừa những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc gia với sức mạnh quốc tế.		
	Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đã xác định cấu trúc hệ thống pháp luật được xác định theo thứ bậc từ các nguồn luật, bao gồm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp; văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và Ủy ban		

	Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật dưới luật của các cơ quan Trung ương; văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương) và các nguồn bổ trợ (án lệ, tập quán, lễ công bằng).		
--	--	--	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2.1. Rà soát Hiến pháp: Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau: “Điều 22. Hạch toán kế toán 1. Dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán theo nguyên tệ (theo khối lượng đối với vàng) và đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc đánh giá lại dự trữ ngoại hối nhà nước trên Báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng Nhà nước để theo dõi sự tăng hoặc giảm giá	- Khoản 3 Điều 55 Hiến pháp quy định: Đơn vị tiền tệ quốc gia là Đồng Việt Nam	Phù hợp với quy định tại Hiến pháp	Quy định về hạch toán theo đồng Việt Nam tại dự thảo Nghị định

trị dự trữ ngoại hối nhà nước bằng đồng Việt Nam nhằm phản ánh biến động về tỷ giá và giá vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường trong nước và quốc tế, không nhằm đánh giá việc thực hiện nguyên tắc sinh lời. 2. Thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán vào thu nhập và chi phí nghiệp vụ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.”			
Dự thảo Nghị định quy định về việc NHNN/BTC báo cáo/trình TTCP xin phê duyệt, cụ thể: - Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau: “5. Định kỳ hàng năm và khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.” - Bổ sung khoản 5a Điều 6 như sau: “5a. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”	- Điều 94 Hiến pháp quy định Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. - Điều 98 Hiến pháp quy định Thủ tướng Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn, gồm lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật; và lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc	Phù hợp với quy định tại Hiến pháp	Quy định về việc báo cáo TTCP đối với Quyết định cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức, Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau: “Điều 11. Việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước, trừ những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước. 2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của ngân sách nhà nước. 3. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại cho Ngân hàng Nhà nước để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép	gia.	nhà nước, về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước; trình TTCP phê duyệt đối với hạn mức ngoại tệ BTC được phép giữ lại; trình TTCP phê duyệt đối với hình thức can thiệp khác quy định tại khoản 2 Điều 18 NĐ 50 (được sửa đổi, bổ sung) tại dự thảo Nghị định.
--	-------------	---

kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối. Hàng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. 4. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự kiến mua. a) Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý và từ mua ngoại tệ trên thị trường cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ cho ngân sách nhà			
---	--	--	--

nước” - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau: “1. Hạn mức ngoại hối của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh Hạn mức ngoại hối của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng khi cần thiết.” - Sửa đổi, bổ sung Điều 18 thành: “Điều 18. Can thiệp thị trường trong nước 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phương án can thiệp khi cần thiết trên cơ sở các yếu tố sau đây: a) Mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia; b) Tình hình thị trường ngoại tệ đối với trường hợp can thiệp trên thị trường ngoại tệ trong nước; c) Tình hình thị trường vàng trong nước đối với trường hợp can thiệp thị trường vàng			
---	--	--	--

trong nước;

d) Tình hình thanh khoản đồng Việt Nam đối với trường hợp can thiệp liên quan đến thanh khoản đồng Việt Nam trên thị trường trong nước.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hình thức can thiệp khác quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính.

2. Muộn nhất cuối quý I hằng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.

3. Muộn nhất cuối quý I hằng năm, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.”

2.2. Rà soát Luật NHNN: Dự thảo Nghị định quy định: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3 2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 3. Bổ sung Điều 5a 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào Điều 6 5. Bỏ Điều 8. 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 7. Bổ sung Điều 12a 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 và bổ sung khoản 7 vào Điều 16 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18	- Khoản 18 Điều 4 Luật NHNN quy định nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN bao gồm việc quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước (DTNHNN). Khoản 2 Điều 32 quy định Ngân hàng Nhà nước quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước theo quy định của pháp luật về ngoại hối nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm khả năng thanh toán quốc tế và bảo toàn Dự trữ ngoại hối nhà nước.	Phù hợp với quy định tại Luật NHNN	
---	--	---	--

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện			
Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 như sau: “4a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế.” 1. Bổ sung Điều 5a như sau: “Điều 5a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế Thông đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”	- Khoản 4 Điều 6 Luật NHNN quy định DTNHNN là tài sản bằng ngoại hối được thể hiện trong Bảng cân đối tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. - Khoản 1 Điều 32 quy định: 1. Dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm: a) Ngoại tệ tiền mặt, tiền gửi bằng ngoại tệ ở nước ngoài; b) Chứng khoán, giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ do Chính phủ, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế phát hành; c) Quyền rút vốn đặc biệt, dự trữ tại Quỹ tiền tệ quốc tế; d) Vàng do Ngân hàng Nhà nước quản lý; đ) Các loại ngoại hối khác của Nhà nước.	Phù hợp với quy định tại Luật NHNN	

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 23 như sau: “Điều 23. Chế độ báo cáo 1. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính. 2. Muộn nhất cuối quý I hàng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.	Khoản 4 Điều 32 Luật NHNN quy định Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ và đột xuất về quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước.	Phù hợp với quy định tại Luật NHNN	Quy định về chế độ báo cáo tại dự thảo Nghị định
1.3. Rà soát Pháp lệnh ngoại hối (PLNH): Dự thảo ND bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 như sau: “4a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế.” 2. Bổ sung Điều 5a như sau: “Điều 5a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế NHNN ghi nhận Quyền rút vốn đặc biệt được Quỹ Tiền tệ quốc tế phân bổ, phân phối	- Khoản 19 Điều 4 PLNH quy định DTNHNN là tài sản bằng ngoại hối thể hiện trong Bảng cân đối tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. - Điều 32 quy định về thành phần DTNHNN - Điều 33 quy định về nguồn hình thành DTNHNN	Phù hợp với quy định tại PLNH	Bổ sung quy định về Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế tại dự thảo Nghị định

vào Quỹ DTNH.”			
Dự thảo Nghị định quy định: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3 2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 3. Bổ sung Điều 5a 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào Điều 6 5. Bỏ Điều 8 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 7. Bổ sung Điều 12a 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 và bổ sung khoản 7 vào Điều 16 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18	Khoản 1 Điều 34 quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước theo quy định của Chính phủ nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm khả năng thanh toán quốc tế và bảo toàn Dự trữ ngoại hối nhà nước.	Phù hợp với quy định tại PLNH	

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện			
Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau: “1. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính. 2. Muộn nhất cuối quý I hằng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.	Khoản 3 Điều 34 PLNH quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ và đột xuất về quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước.	Phù hợp với quy định tại PLNH	Quy định về chế độ báo cáo tại dự thảo Nghị định
Bổ sung khoản 3 Điều 23: Muộn nhất cuối quý I hằng năm, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.”	Khoản 4 Điều 34 PLNH quy định Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động Dự trữ ngoại hối nhà nước.	Phù hợp với quy định tại PLNH	Quy định về việc báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước tại dự

			thảo Nghị định
Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau: Điều 11. Việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước, trừ những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước. 2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của ngân sách nhà nước. 3. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại cho Ngân hàng Nhà nước để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. Trường hợp Ngân	Điều 35 PLNH quy định về ngoại tệ thuộc ngân sách nhà nước, cụ thể: 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Thủ tướng Chính phủ quy định mức ngoại tệ Bộ Tài chính được giữ lại từ nguồn thu ngân sách để chi các khoản chi ngoại tệ thường xuyên của ngân sách nhà nước. Số ngoại tệ còn lại Bộ Tài chính bán cho Dự trữ ngoại hối nhà nước tập trung tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Phù hợp với quy định tại PLNH	Quy định về việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước tại dự thảo Nghị định

hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối. Hàng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. 4. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự kiến mua. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý và từ mua ngoại tệ trên thị trường cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà			
--	--	--	--

nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước.”			
1.5. Rà soát Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2025/NĐ-CP ngày 24/01/2025) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau: Điều 11. Việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước, trừ những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước. 2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ	Điều 10. Tài khoản thanh toán 1. Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước được mở và sử dụng như sau: a) Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại (trụ sở chính), được sử dụng để tập trung các khoản thu, thanh toán các khoản chi ngân quỹ nhà nước; thực hiện các giao dịch điều hành số dư tài khoản để đảm bảo khả năng thanh toán của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước; thực hiện các giao dịch sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi hoặc xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt. b) Tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện) mở tại ngân hàng thương mại, được sử dụng		Sửa đổi, bổ sung quy định về việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước tại dự thảo Nghị định

và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của ngân sách nhà nước. 3. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại cho Ngân hàng Nhà nước để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối. Hằng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. 4. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo	để tập trung các khoản thu, thanh toán các khoản chi ngân quỹ nhà nước. 2. Toàn bộ số dư trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày làm việc giữa Kho bạc Nhà nước và các hệ thống ngân hàng thương mại, được chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trừ số dư những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Những khoản thu phát sinh sau thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán trong ngày làm việc trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại các hệ thống ngân hàng thương mại và số dư trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại các hệ thống ngân hàng thương mại không thể chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước		
--	---	--	--

loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự kiến mua. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý và từ mua ngoại tệ trên thị trường cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước”.	Việt Nam trong ngày làm việc do nguyên nhân bất khả kháng, thì được chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày làm việc tiếp theo. 3. Trả lãi số dư tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước: a) Số dư đầu ngày tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được trả lãi theo mức lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, không thấp hơn lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả cho các tổ chức tín dụng trong cùng thời kỳ. b) Số dư cuối ngày tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại được trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại, phù hợp với các quy định của pháp luật.”.		
---	--	--	--

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
- Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 như sau: “4a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế.” - Bổ sung Điều 5a như sau: “Điều 5a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế NHNN ghi nhận Quyền rút vốn đặc biệt được Quỹ Tiền tệ quốc tế phân bổ, phân phối vào Quỹ DTNH.”	Điều lệ IMF và các tài liệu hướng dẫn của IMF: Theo Điều lệ IMF và các tài liệu hướng dẫn của IMF, SDR là tài sản dự trữ quốc tế do IMF tạo ra và phân bổ cho các quốc gia thành viên; quốc gia thành viên tự quyết định cơ quan nắm giữ SDR (thường là các ngân hàng trung ương); các quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến SDR (bao gồm cả việc sử dụng SDR sau này) được thực hiện theo quy định tại Điều lệ IMF với tư cách là quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên. Như vậy, SDR được phân bổ cho quốc gia thành viên và được coi là tài sản dự trữ của quốc gia thành viên đó.	Dự thảo tương thích với Điều lệ IMF và các tài liệu hướng dẫn của IMF	Quy định về Quyền rút vốn đặc biệt thuộc nguồn hình thành thành DTNHNN và việc ghi nhận Quyền rút vốn đặc biệt tại dự thảo Nghị định